

SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT - NGÔN NGỮ THỨ HAI - CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

THS. NGÔ THỊ THANH THỦY
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Giới thiệu về bản đồ tư duy

Giúp học sinh dân tộc thiểu số học tiếng Việt - ngôn ngữ thứ hai - hiểu và giao tiếp một cách tự nhiên, có ý nghĩa và hiệu quả là một công việc đầy thách thức đối với giáo viên (GV). Để khắc phục điều này, GV phải áp dụng các chiến lược và cách thức từ các lĩnh vực khác ví dụ như từ lĩnh vực tâm lí học.

Một trong những công cụ hữu hiệu có thể áp dụng trong dạy học ngôn ngữ thứ hai là phương pháp sử dụng bản đồ tư duy. Người học có thể sử dụng bản đồ tư duy để học và nhớ từ. GV có thể thiết kế và sử dụng bản đồ tư duy trong lớp học để giúp học sinh (HS) nghe và đọc hiểu tốt hơn, phát triển kĩ năng viết và nói của HS và vì vậy thúc đẩy HS tự lập trong học tập.

Bản đồ tư duy là phương tiện bằng hình ảnh trong đó ở giữa có một từ khóa hay một hình ảnh trung tâm, các khái niệm được trình bày xung quanh từ khóa như các từ nhánh. Từ khóa nêu rõ nội dung trọng tâm trong khi các khái niệm từ nhánh đại diện sự liên kết với từ khóa, tạo thành một hình ảnh cấu trúc liên kết với nhau.

Bản đồ tư duy do nhà tâm lí học người Anh Tony Buzan phát triển vào cuối những năm 1960 nhằm mục đích giúp HS ghi chép bài học tốt hơn. Theo Buzan, bản đồ tư duy là một mạng lưới các hình ảnh và từ ngữ giúp "phát triển các kĩ năng liên quan đến tư duy: Từ, hình ảnh, con số, lô gíc, vần điệu, màu sắc và nhận thức về không gian bằng một kĩ thuật độc đáo và duy nhất" [3]. Buzan cũng cho rằng bản đồ tư duy có thể giải phóng tiềm năng của bộ não bởi nó là sự phản ánh cách thức hoạt động của bộ não đó là sự lan tỏa và toàn diện.

Buzan đã đưa ra một chu trình thiết kế một bản đồ tư duy. Bắt đầu bằng việc vẽ một hình ảnh và từ ở chính giữa tờ giấy sau đó đưa ra các từ khóa xoay xung quanh chủ đề chính. Các nhánh từ khóa xuất phát từ chính phải được vẽ bằng các đường uốn lượn. Khuyến khích sử dụng hình ảnh, màu sắc, kí hiệu, kích thước để nhấn mạnh và giúp cho việc ghi nhớ tốt hơn.

Michael Gelb (1998), một trong những nhà khoa học ủng hộ phương pháp này khẳng định rằng bản đồ tư duy với cách thể hiện mối liên hệ giữa các khái niệm giúp cho tư duy trở nên rõ ràng và dễ sắp xếp hơn. Bản đồ tư duy cũng khẳng định là công cụ học tập hiệu quả giúp người học nhớ lại các thông tin trong bộ nhớ của họ. Người học có thể sử dụng bản

đồ tư duy để tóm tắt, nhớ lại các khái niệm chủ yếu để viết văn hay chuẩn bị cho một kì thi.

Bản đồ tư duy được áp dụng trong dạy ngôn ngữ vào những năm 1990 với tư cách là một công cụ để khơi gợi các kiến thức đã có về một vấn đề nào đó và giúp người học tổ chức và ghi nhớ vốn từ vựng. Khi sử dụng bản đồ tư duy để khơi gợi lại kiến thức đã học, GV có thể hỏi HS những vấn đề họ đã biết về chủ đề, HS động não và đưa ra các vấn đề liên quan đến chủ đề để GV trình bày thành một bản đồ tư duy. Để giúp HS học từ vựng, GV yêu cầu HS động não và đưa ra các từ có liên quan đến chủ đề sau đó HS tự vẽ bản đồ tư duy với những từ mà các em vừa nghĩ ra, cách này thay thế cho phương pháp dạy truyền thống là đưa ra một danh sách các từ mới sẽ phải học trong bài. Một cách khác là GV vẽ ra một bản đồ tư duy, HS tự thêm và mở rộng bản đồ đó.

Bản đồ tư duy còn gọi là sơ đồ tư duy, lược đồ tư duy,... là hình thức ghi chép nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa một chủ đề hay một mạch kiến thức,... bằng cách kết hợp việc sử dụng đồng thời hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết với sự tư duy tích cực. Đặc biệt đây là một sơ đồ mở, không yêu cầu tỉ lệ, chi tiết chặt chẽ như bản đồ địa lí, có thể vẽ thêm hoặc bớt các nhánh, mỗi người vẽ một kiểu khác nhau, dùng màu sắc, hình ảnh, các cụm từ diễn đạt khác nhau, cùng một chủ đề nhưng mỗi người có thể "thể hiện" nó dưới dạng bản đồ tư duy theo một cách riêng, do đó việc lập bản đồ tư duy phát huy được tối đa khả năng sáng tạo của mỗi người.

2. Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học tiếng Việt - ngôn ngữ thứ hai - cho học sinh dân tộc thiểu số

Theo báo cáo tổng kết Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ năm học 2012 - 2013, một trong những rào cản đối với chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số là vấn đề ngôn ngữ. HS dân tộc thiểu số gặp khó khăn khi học bằng tiếng Việt ở những lớp đầu bậc Tiểu học. Trước khi đến trường, các em sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình trong giao tiếp hàng ngày trong khi tiếng Việt là ngôn ngữ giảng dạy cho các em ở trường học. Qua các đợt hỗ trợ kĩ thuật dạy học của Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, chúng tôi nhận thấy HS dân tộc thiểu số gặp khó khăn khi hiểu các bài đọc, viết đoạn văn hay bài văn vì vốn từ vựng bằng

tiếng Việt của các em còn hạn chế. Để giải quyết vấn đề này, một trong những phương pháp hữu hiệu giúp các em nhớ từ và nâng cao vốn từ vựng là sử dụng bản đồ tư duy trong các phân môn đọc, luyện từ và câu, tập làm văn.

Một quy trình chung sử dụng bản đồ tư duy trong dạy từ hoặc trong các hoạt động trước khi dạy nghe hoặc đọc hiểu đoạn văn như sau:

1. Chọn một từ khóa là chủ đề chính của bài học;
2. Viết từ đó lên bảng, trên giấy khổ lớn;
3. Khuyến khích HS động não nghĩ ra các từ/chủ đề nhỏ liên quan đến chủ đề chính. Viết các từ mà HS nghĩ ra vào bên lề bảng;
4. GV và HS cùng thảo luận để quyết định nhóm các từ đã tìm được thành từng nhóm, mỗi nhóm là một nhánh chính của bản đồ tư duy.

Bản đồ tư duy này có thể được dùng trước khi dạy từ mới, bài nghe hay đọc mới. Sau khi học xong, khuyến khích HS bổ sung từ mới vào bản đồ tư duy đã lập trước đó. Các em sẽ quyết định những từ mới đó sẽ thuộc nhánh nào trong bản đồ hay lập ra nhánh mới cho các từ đó. (Sơ đồ 1)

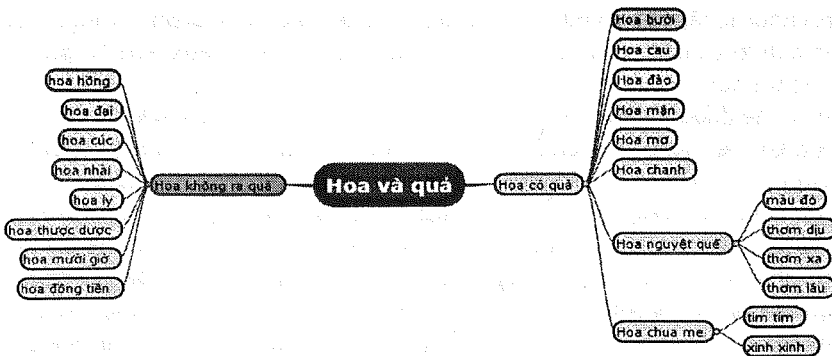
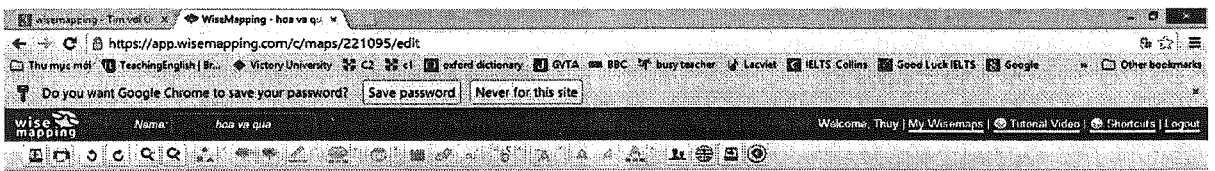
3. Cơ sở lí luận của bản đồ tư duy trong dạy học tiếng Việt - ngôn ngữ thứ hai - cho học sinh dân tộc thiểu số

Theo Richards & Rogers (2001), người học một ngôn ngữ thứ hai thành công hơn khi họ tiếp cận với các học liệu có ý nghĩa, phù hợp với hoàn cảnh và khi học liệu là nguồn cung cấp thông tin. Một giờ học hiệu quả khi GV giúp HS tìm tòi đào sâu. Như David

Ausubel đã khẳng định với kiến thức có sẵn trong đầu người học sẽ học kiến thức mới tốt hơn và hiểu nghĩa tốt hơn. Khi đã hiểu nghĩa thì sẽ giúp học một ngôn ngữ có nghĩa. Một giờ học ngôn ngữ hiệu quả khi khuyến khích được HS tư duy bằng ngôn ngữ đó. Quá trình lập bản đồ từ liên quan đến chủ đề bài học đã giúp HS kích hoạt cũng như nâng cao kiến thức nền về chủ đề đó.

Ngoài ra, khi sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học, GV lúc này chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, khuyến khích HS tìm tòi, sáng tạo. Họ giúp HS từng bước xây dựng khung kiến thức và nội dung học của mình. Khía cạnh này phù hợp với quan điểm "Giàn giáo kiến thức", một hình ảnh ẩn dụ do Wood, Bruner và Ross (1976) nghĩ ra để nói đến sự hỗ trợ của người dạy với người học. Trong quá trình tạo lập khung kiến thức, GV giúp HS biết cách học hoặc khái niệm mà các em không tự mình làm được. GV hỗ trợ HS thông qua việc sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, làm mẫu và sử dụng hình ảnh trực quan. Cũng giống như xây dựng giàn giáo cho một ngôi nhà, khi HS đã biết được cách làm hoặc khái niệm, GV dần dần rút ra để HS tự chủ hơn trong học tập. Bằng việc sử dụng bản đồ tư duy để xây dựng vốn từ trước khi nghe hoặc đọc một đoạn văn bản, GV đã giúp HS một công cụ hữu hiệu để tìm hiểu bài, HS có được cái nhìn tổng quát về chủ đề các em chuẩn bị nghe hoặc chuẩn bị đọc. Thêm vào đó, với những khái niệm và thông tin đã được lập ra, bản đồ tư duy giúp HS tự suy đoán về nội dung đoạn văn, như vậy giúp các em hiểu bài tốt hơn.

Sơ đồ 1: Bản đồ tư duy chủ đề Hoa và Quả, bài 31A, môn Tiếng Việt Lớp 4 kì 2 (thuộc Chương trình Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ)



4. Ý nghĩa của việc sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học tiếng Việt - ngôn ngữ thứ hai - cho học sinh dân tộc thiểu số

Bản đồ tư duy giúp HS nhớ lại kiến thức đã học và giúp cho việc học kiến thức mới tốt hơn. Việc vẽ bản đồ tư duy đã giúp nhóm các kiến thức, thông tin lại với nhau bằng hình ảnh trực quan. Bản đồ trình bày những từ cũ và mới vào từng nhánh/nhóm thông tin. Thông qua quá trình tạo lập bản đồ này, HS có cơ hội học nghĩa, cách sử dụng từ mới và có thể là ý nghĩa mới của từ đã học. Thêm vào đó, các em hiểu được mối quan hệ liên quan giữa các khái niệm này.

Bên cạnh là công cụ hữu hiệu để phát triển vốn từ cho HS, sử dụng bản đồ tư duy cũng là một lựa chọn hay cho các hoạt động dạy học trước khi đọc một đoạn văn hay sau khi đọc một đoạn văn. Bản đồ tư duy không những giúp giới thiệu các từ chính trong đoạn văn sẽ đọc mà còn giúp kích hoạt kiến thức nền của HS về chủ đề của đoạn văn, từ đó các em sẽ hiểu, liên hệ và đánh giá thông tin trong bài tốt hơn. Sau khi đọc xong, HS có thể thảo luận về bản đồ tư duy để đưa thêm các từ mới vào đó. Điều này giúp các em củng cố từ và kiến thức mới của bài. Việc sử dụng bản đồ tư duy để giúp HS hiểu bài hơn hoàn toàn hợp lí vì phương pháp này chú trọng đến việc tận dụng kiến thức nền của HS. Theo Pearson và Johnson (1978), việc hiểu bài là "quá trình xây dựng chiếc cầu nối điều đã biết đến điều chưa biết".

Việc sử dụng bản đồ tư duy trong các hoạt động trước và sau đọc một đoạn/bài văn rất hiệu quả. Trong các hoạt động trước khi đọc đoạn văn, việc HS vẽ sơ đồ từ về chủ đề của bài học sẽ giúp các em học được các từ khóa và kích hoạt kiến thức, kinh nghiệm của các em về vấn đề đó. Đồng thời, nó cũng khiến các em cảm thấy tò mò và hứng thú hơn khi đọc.

Sau khi đã đọc xong đoạn/bài văn, các em có thể thêm các từ vừa mới học hoặc một nhánh kiến thức mới vào bản đồ tư duy đã vẽ. Cuối cùng, các em có thể thảo luận về bản đồ tư duy này. Đây chính là cơ hội cho các em nhận diện và hiểu các kiến thức mới. Nó cũng là cơ hội giúp HS nhớ lại, sắp xếp và trình bày kiến thức mới bằng hình ảnh trực quan, sinh động và như vậy các em sẽ ghi nhớ tốt hơn.

Bản đồ tư duy cũng có thể được sử dụng giúp HS sắp xếp các ý tưởng trước khi viết hoặc nói trong giờ học ngôn ngữ cũng như trong các môn khác. Bản đồ tư duy giúp các em sắp xếp ý tưởng và thông tin. Một bản đồ hoàn chỉnh có thể là một chỉ dẫn về cấu trúc của một bài văn với tiêu đề của mỗi nhánh là một câu chủ đề hay một ý chính của một đoạn văn và các chi tiết của nhánh là những nội dung chính cần đưa vào đoạn văn.

5. Kết luận

Có thể nói, bản đồ tư duy là một hình ảnh trực quan hỗ trợ HS thảo luận và giúp các em thấy được

mối quan hệ giữa khái niệm và ý nghĩa với nhau. Bản đồ tư duy có thể sử dụng giúp HS nâng cao vốn từ của mình, giúp các em đọc hiểu tốt hơn thông qua việc sử dụng nó trong các hoạt động trước và sau khi đọc. Nó cũng là một công cụ hữu hiệu giúp sắp xếp các ý trong khi viết hoặc nói về chủ đề.

Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học môn Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số rất phù hợp. Bởi nó là công cụ tư duy hữu hiệu giúp các em tư duy, nhớ từ và hiểu bài tốt hơn. Đồng thời, việc sử dụng bản đồ tư duy không đòi hỏi các thiết bị dạy học hiện đại, GV có thể trình bày bản đồ tư duy trên bảng, bảng phụ, giấy khổ lớn... bằng cách sử dụng bút chì màu, phấn, tẩy... nên phù hợp với điều kiện vật chất hiện có của vùng dân tộc thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A - Nguyễn Thị Phương Thảo - Nguyễn Thị Hạnh (2012), *Môn Tiếng Việt Lớp 4 kì 2 (thuộc Chương trình Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (Tài liệu tập huấn)*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
3. Buzan, T. & Buzan, B. (1996), *The Mind Map Book: How to Use Radiant Thinking to Maximize Your Brain's Untapped Potential*, Plume.
4. Trần Đình Châu - Đặng Thị Thu Thủy (2011), *Dạy tốt - học tốt ở tiểu học bằng bản đồ tư duy (dùng cho giáo viên, sinh viên sư phạm, học sinh tiểu học)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Pearson. P. D & Johnson D. D. (1978), *Teaching Reading Comprehension*, Holt, Rinehart and Winston.
6. Richards, J. & Rogers, T. (2001), *Approaches and Methods in Language Teaching*, Cambridge University Press.
7. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2013), *Báo cáo Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ*.
8. Wood, D., Bruner, J.S., Ross, G., (1976), *The role of tutoring and problem solving*, Journal of Child Psychology and Psychiatry, Vol. 17, pp. 89-100.

SUMMARY

One of useful tools can be applied in teaching Vietnamese (the second language) to ethnic minority pupils is using mind maps. Using mind maps in teaching Vietnamese is very suitable. Because it is useful mind tool to help them thinking, remember words and understand better. At the same time, using mind maps doesn't require the modern teaching facilities, teachers can present mind maps on table, sub-table, chart paper... by using crayons, chalk, eraser... so it is suitable with the existing material conditions of ethnic minority areas.